

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023**

---

Hà Nội - Tháng 8 năm 2023

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 28

# CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số.0100103619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 25 tháng 6 năm 2020.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: HANOI SYNTHETIC PAINT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: HASYNPAINTCO.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 11 ngày 25/6/2020, vốn điều lệ của Công ty là 120.270.860.000 VND (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ, hai trăm bảy mươi triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UPCOM với mã HSP.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thiện Ái	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Đức	Ủy viên
Ông Trịnh Lê Minh	Ủy viên (Thành viên HĐQT độc lập)

#### Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Minh Đức	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Huyền	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 18/4/2023)
Ông Vương Tuấn Anh	Ủy viên (Bỏ nhiệm ngày 18/4/2023)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Đức	Phó Tổng Giám đốc

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Ngọc Anh**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2023

Số. 226/2023/BCSX-CPA VIETNAM-NV3

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:**            **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội, được lập ngày 10 tháng 8 năm 2023, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Bùi Thị Thủy**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30/6/2023

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>199.015.154.782</b>	<b>206.525.648.234</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>47.919.676.509</b>	<b>73.135.846.962</b>
1. Tiền	111		47.919.676.509	63.135.846.962
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>47.000.000.000</b>	<b>27.000.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	47.000.000.000	27.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>36.610.145.564</b>	<b>28.753.009.623</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	33.884.178.712	27.615.803.316
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	544.144.647	479.918.349
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	2.181.822.205	657.287.958
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>67.485.332.709</b>	<b>77.636.791.649</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.6	67.485.332.709	77.636.791.649
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+260)	<b>200</b>		<b>20.850.482.345</b>	<b>22.664.107.395</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>20.624.789.746</b>	<b>22.429.706.070</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	9.434.038.062	10.711.103.418
- Nguyên giá	222		96.096.900.387	96.096.900.387
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(86.662.862.325)	(85.385.796.969)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	11.190.751.684	11.718.602.652
- Nguyên giá	228		18.417.022.686	18.417.022.686
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.226.271.002)	(6.698.420.034)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>225.692.599</b>	<b>234.401.325</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	225.692.599	234.401.325
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>219.865.637.127</b>	<b>229.189.755.629</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30/6/2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>38.109.457.861</b>	<b>42.443.746.467</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>38.109.457.861</b>	<b>42.443.746.467</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	18.641.868.543	18.309.432.496
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	111.348.489	484.273.338
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	1.958.275.126	1.594.433.460
4. Phải trả người lao động	314		1.421.492.586	7.788.390.212
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	5.490.752.007	5.490.752.007
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	7.777.716.007	6.593.786.528
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.708.005.103	2.182.678.426
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>181.756.179.266</b>	<b>186.746.009.162</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.15	<b>181.756.179.266</b>	<b>186.746.009.162</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.270.860.000	120.270.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.270.860.000	120.270.860.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.060.000.000	14.060.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		38.151.435.908	38.151.435.908
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.527.417.927	1.914.386.148
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.746.465.431	12.349.327.106
- LNST chưa phân phối LK đến cuối kỳ trước	421a		94.425.686	88.691.535
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.652.039.745	12.260.635.571
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>219.865.637.127</b>	<b>229.189.755.629</b>

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thu Hà

Trần Thế Giang



Nguyễn Ngọc Anh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/06/2023	ngày 30/06/2022
			kết thúc	kết thúc
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	205.126.340.230	210.480.138.279
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	205.126.340.230	210.480.138.279
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	177.792.016.663	185.002.432.187
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		27.334.323.567	25.477.706.092
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.670.220.823	844.285.826
7. Chi phí tài chính	22	6.4	-	183.566.915
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	6.801.499.228	8.002.243.254
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	13.828.299.193	13.226.808.828
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		8.374.745.969	4.909.372.921
11. Thu nhập khác	31	6.6	18.181.818	13.823.948
12. Chi phí khác	32	6.6	2.436.246	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		15.745.572	13.823.948
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		8.390.491.541	4.923.196.869
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	1.738.451.796	1.058.722.278
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		6.652.039.745	3.864.474.591
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	553	296

Người lập

Phạm Thu Hà

Kế toán trưởng

Trần Thế Giang

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2023  
Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Anh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/06/2023	ngày 30/06/2022
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.390.491.541	4.923.196.869
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.804.916.324	2.545.659.722
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.670.220.823)	(858.109.774)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.525.187.042	6.610.746.817
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(16.518.192.626)	(1.403.866.929)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.151.458.940	(9.572.743.989)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.469.389.241)	12.541.674.933
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		8.708.726	(38.385.535)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.035.760.537)	(1.395.570.539)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.436.246)	(187.040.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(4.340.423.942)</b>	<b>6.554.814.758</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(100.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	918.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		145.686.576	20.088.018
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(9.854.313.424)</b>	<b>838.269.836</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.021.433.087)	(9.076.204.837)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>(11.021.433.087)</b>	<b>(9.076.204.837)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20+30+40)	50		<b>(25.216.170.453)</b>	<b>(1.683.120.243)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	73.135.846.962	38.523.219.470
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	47.919.676.509	36.840.099.227

Người lập

Phạm Thu Hà

Kế toán trưởng

Trần Thế Giang

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2023  
Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Anh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100103619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 25 tháng 6 năm 2020.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: HANOI SYNTHETIC PAINT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: HASYNPAINTCO.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 11 ngày 25/6/2020, vốn điều lệ của Công ty là 120.270.860.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ, hai trăm bảy mươi triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã HSP.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2023 là: 231 người (tại ngày 31/12/2022 là: 260 người).

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt, vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị liên quan ngành sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt, vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị liên quan ngành sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt, vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị liên quan ngành sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- (Không bao gồm những ngành, nghề mà Pháp luật cấm kinh doanh và chỉ kinh doanh sau khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)/.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là: Sản xuất và kinh doanh sơn...

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, CÔNG TY TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

**Các khoản tương đương tiền**

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ phát sinh trong kỳ tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b><u>Thời gian khấu hao</u></b> <b><u>(Số năm)</u></b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	04 - 25
Máy móc và thiết bị	04 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm được phản ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng là 20 năm, phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian phân bổ của từng khoản mục chi phí.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, theo thời gian sử dụng hữu ích của công cụ dụng cụ phân bổ không quá 03 năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Trong kỳ chi phí lãi vay được vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty không phát sinh.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh, số chênh lệch giữ số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là Nợ phải trả khi có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại:** Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại:** Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính và giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Đ. N. T. KIỂM PA. 5/23



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm sơn, chỉ phục vụ duy nhất cho hoạt động này... và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI**Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	10.622.032.577	1.282.970.448
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.297.643.932	61.852.876.514
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng) gửi tại:	-	10.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Láng Hạ</i>	-	<i>10.000.000.000</i>
<b>Tổng</b>	<b>47.919.676.509</b>	<b>73.135.846.962</b>

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>47.000.000.000</b>	<b>47.000.000.000</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>27.000.000.000</b>
<i>Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại:</i>				
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	22.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đông Đô	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Láng Hạ	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
<b>Tổng</b>	<b>47.000.000.000</b>	<b>47.000.000.000</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>27.000.000.000</b>

**5.3 Phải thu khách hàng**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>33.884.178.712</b>	<b>27.615.803.316</b>
Công ty HONDA Việt Nam	11.005.224.789	13.004.188.446
Cty CP Nhựa và cơ khí Hải Phòng	2.926.106.766	3.480.264.722
Công ty Cổ Phần Cơ Điện Đông Phú	1.467.422.272	-
Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại và Dịch Vụ Nam Hải	1.323.863.042	-
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Bình Lâm	1.694.864.816	2.067.537.843
Công ty TNHH Công Nghiệp Chính Xác Việt Nam 1	1.391.962.780	1.421.250.115
Các khách hàng khác	14.074.734.247	7.642.562.190
<b>Tổng</b>	<b>33.884.178.712</b>	<b>27.615.803.316</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI**  
Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mẫu số B09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.4 Trả trước cho người bán**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>544.144.647</b>	<b>479.918.349</b>
Công ty TNHH tư vấn Hoàng kim (i)	124.000.000	124.000.000
Công ty CP Phát Triển Giải Pháp Truyền Thông Quang Minh	-	114.000.000
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	420.144.647	241.918.349
<b>Tổng</b>	<b>544.144.647</b>	<b>479.918.349</b>

(i) Hợp đồng tư vấn lập hồ sơ xin khai thác nước ngầm và xả thải cho Dự án của Công ty tại xã Minh Đức, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên vẫn đang hoàn thiện nốt các thủ tục để tiến hành thanh lý hợp đồng.

**5.5 Phải thu khác**

	30/06/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.181.822.205</b>	-	<b>657.287.958</b>	-
Lãi dự thu ngân hàng	2.179.756.165	-	655.221.918	-
Các khoản phải thu khác	2.066.040	-	2.066.040	-
<b>Tổng</b>	<b>2.181.822.205</b>	-	<b>657.287.958</b>	-

**5.6 Hàng tồn kho**

	30/06/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	34.168.634.696	-	49.593.773.645	-
Thành phẩm	33.316.698.013	-	28.043.018.004	-
<b>Tổng</b>	<b>67.485.332.709</b>	-	<b>77.636.791.649</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI**Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình***Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2023	22.094.290.430	46.702.503.849	13.219.743.342	14.080.362.766	96.096.900.387
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2023	22.094.290.430	46.702.503.849	13.219.743.342	14.080.362.766	96.096.900.387
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2023	20.228.730.191	45.880.700.948	5.931.171.451	13.345.194.379	85.385.796.969
Tăng trong kỳ	183.937.527	167.359.003	713.594.648	212.174.178	1.277.065.356
Khấu hao trong kỳ	183.937.527	167.359.003	713.594.648	212.174.178	1.277.065.356
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2023	20.412.667.718	46.048.059.951	6.644.766.099	13.557.368.557	86.662.862.325
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư tại 01/01/2023	1.865.560.239	821.802.901	7.288.571.891	735.168.387	10.711.103.418
Số dư tại 30/06/2023	1.681.622.712	654.443.898	6.574.977.243	522.994.209	9.434.038.062

Nguyên giá tài sản hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là: 71.234.144.846 VND (tại ngày 01/01/2023 là: 70.363.422.576 VND).

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình***Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm kế toán	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2023	17.261.158.686	1.155.864.000	18.417.022.686
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2023	17.261.158.686	1.155.864.000	18.417.022.686
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2023	6.216.546.138	481.873.896	6.698.420.034
Tăng trong kỳ	431.528.968	96.322.000	527.850.968
Khấu hao trong kỳ	431.528.968	96.322.000	527.850.968
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2023	6.648.075.106	578.195.896	7.226.271.002
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư tại 01/01/2023	11.044.612.548	673.990.104	11.718.602.652
Số dư tại 30/06/2023	10.613.083.580	577.668.104	11.190.751.684

(\*) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, giá trị 2.761.158.686 đồng. Diện tích đất bao gồm 4.914 m<sup>2</sup> sử dụng làm trụ sở làm việc, thời hạn sử dụng 50 năm kể từ ngày 01/04/2002 và 141,9 m<sup>2</sup> nằm trong chỉ giới đường đỏ khi Nhà nước thu hồi phải bàn giao lại theo quy định.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã Minh Đức, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, giá trị 14.500.000.000 đồng. Đất khu công nghiệp diện tích 20.488 m<sup>2</sup>, thời gian sử dụng 45 năm đến ngày 18/01/2057.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.9 Chi phí trả trước**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Dài hạn	225.692.599	234.401.325
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	225.692.599	234.401.325
<b>Tổng</b>	<b>225.692.599</b>	<b>234.401.325</b>

**5.10 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>18.641.868.543</b>	<b>18.641.868.543</b>	<b>18.309.432.496</b>	<b>18.309.432.496</b>
Công ty TNHH FSI Việt Nam		-	1.105.885.000	1.105.885.000
Công ty TNHH Xăng Dầu Huyền Vinh	3.750.271.381	3.750.271.381	958.399.441	958.399.441
Công ty TNHH TM Hà Anh Phát	2.376.238.172	2.376.238.172	3.557.833.180	3.557.833.180
Công ty TNHH Đầu Tư và Phát triển TT hóa chất	841.637.973	841.637.973	1.388.596.000	1.388.596.000
Công ty TNHH ĐT và TM SII	1.908.802.038	1.908.802.038	581.644.879	581.644.879
Công ty TNHH Thương mại và sản xuất CK Hà nội	1.828.717.000	1.828.717.000	3.263.128.550	3.263.128.550
Công ty TNHH A.D.V	-	-	1.680.473.520	1.680.473.520
Công ty TNHH Thương Mại Tổng Hợp Mega Việt Nam	-	-	1.613.755.000	1.613.755.000
Các số dư nhỏ dưới 10% tổng dư nợ phải trả	7.936.201.979	7.936.201.979	4.159.716.926	4.159.716.926
<b>Tổng</b>	<b>18.641.868.543</b>	<b>18.641.868.543</b>	<b>18.309.432.496</b>	<b>18.309.432.496</b>

**5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>111.348.489</b>	<b>484.273.338</b>
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác 11	50.600.000	-
Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại và Dịch Vụ Nam Hải	-	142.542.331
Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Hapulico	-	289.673.230
Công Ty TNHH Tuấn Thành Đạt	29.756.646	-
Các khách hàng khác	30.991.843	52.057.777
<b>Tổng</b>	<b>111.348.489</b>	<b>484.273.338</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2023
Thuế giá trị gia tăng	64.640.011	4.313.239.869	3.652.089.462	725.790.418
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.150.827.507	1.150.827.507	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	113.448.977	113.448.977	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.520.669.626	1.738.451.796	2.035.760.537	1.223.360.885
Thuế thu nhập cá nhân	-	557.165.051	557.165.051	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.536.207.419	1.536.207.419	-
Các loại thuế khác	9.123.823	172.800	172.800	9.123.823
Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.000.000	6.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>1.594.433.460</b>	<b>9.415.513.419</b>	<b>9.051.671.753</b>	<b>1.958.275.126</b>

**5.13 Chi phí phải trả**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.490.752.007</b>	<b>5.490.752.007</b>
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	2.858.610.539	2.858.610.539
Chiết khấu bán hàng và chiết khấu thanh toán	2.200.750.058	2.200.750.058
Chi phí phải trả do tạm giữ lương	431.391.410	431.391.410
<b>Tổng</b>	<b>5.490.752.007</b>	<b>5.490.752.007</b>

**5.14 Các khoản phải trả khác**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>7.777.716.007</b>	<b>6.593.786.528</b>
Kinh phí công đoàn	2.070.079.074	2.019.671.050
Cổ tức phải trả	7.404.775	-
Các khoản tạm giữ lương phải trả người lao động	5.700.232.158	4.574.115.478
<b>Tổng</b>	<b>7.777.716.007</b>	<b>6.593.786.528</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TÔNG HỢP HÀ NỘI**

Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mẫu số B09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.15 Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2022	120.270.860.000	14.060.000.000	37.574.964.787	1.337.915.027	11.618.113.948	184.861.853.762
Tăng trong năm	-	-	576.471.121	576.471.121	12.260.635.571	13.413.577.813
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	12.260.635.571	12.260.635.571
Trích lập quỹ	-	-	576.471.121	576.471.121	-	1.152.942.242
Giảm trong năm	-	-	-	-	(11.529.422.413)	(11.529.422.413)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(9.800.009.050)	(9.800.009.050)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1.729.413.363)	(1.729.413.363)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>120.270.860.000</b>	<b>14.060.000.000</b>	<b>38.151.435.908</b>	<b>1.914.386.148</b>	<b>12.349.327.106</b>	<b>186.746.009.162</b>
Tại ngày 01/01/2023	120.270.860.000	14.060.000.000	38.151.435.908	1.914.386.148	12.349.327.106	186.746.009.162
Tăng trong kỳ	-	-	-	613.031.779	6.652.039.745	7.265.071.524
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	6.652.039.745	6.652.039.745
Trích lập quỹ	-	-	-	613.031.779	-	613.031.779
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(12.254.901.420)	(12.254.901.420)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(11.028.837.862)	(11.028.837.862)
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	-	(1.226.063.558)	(1.226.063.558)
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>120.270.860.000</b>	<b>14.060.000.000</b>	<b>38.151.435.908</b>	<b>2.527.417.927</b>	<b>6.746.465.431</b>	<b>181.756.179.266</b>

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 60/2023/NQ-DHDCĐ ngày 18/4/2023. Theo đó,

- Trích quỹ dự phòng bắt buộc: 613.031.779 VND
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 613.031.779 VND
- Lợi nhuận còn lại chia cho cổ đông: 9,17%/ Vốn điều lệ với số tiền 11.028.837.862 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

Cổ đông	Cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ	30/06/2023	01/01/2023
	SL	VND	%	VND	VND
Công ty TNHH Quản lý Đầu tư HAP Việt Nam	3.700.000	37.000.000.000	30,76%	37.000.000.000	37.000.000.000
Các Cổ đông khác	8.327.086	83.270.860.000	69,24%	83.270.860.000	83.270.860.000
<b>Tổng</b>	<b>12.027.086</b>	<b>120.270.860.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>120.270.860.000</b>	<b>120.270.860.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	120.270.860.000	120.270.860.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	120.270.860.000	120.270.860.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>11.028.837.862</b>	<b>9.800.009.050</b>

**d. Cổ phiếu**

	30/06/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.027.086	12.027.086
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.027.086	12.027.086
+ Cổ phiếu phổ thông	12.027.086	12.027.086
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.027.086	12.027.086
Cổ phiếu phổ thông	12.027.086	12.027.086

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	38.151.435.908	38.151.435.908
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.527.417.927	1.914.386.148
<b>Tổng</b>	<b>40.678.853.835</b>	<b>40.065.822.056</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.16 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ**

	30/06/2023	01/01/2023
Ngoại tệ các loại		
- USD	17.091,88	17.091,88
- EURO	331,45	331,45
- JPY	13.519	13.519

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Doanh thu bán sản phẩm	205.126.340.230	210.480.138.279
<b>Tổng</b>	<b>205.126.340.230</b>	<b>210.480.138.279</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Giá vốn bán sản phẩm	177.792.016.663	185.002.432.187
<b>Tổng</b>	<b>177.792.016.663</b>	<b>185.002.432.187</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.670.220.823	844.285.826
<b>Tổng</b>	<b>1.670.220.823</b>	<b>844.285.826</b>

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	183.566.915
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>183.566.915</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>6.801.499.228</b>	<b>8.002.243.254</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	2.310.603.275	2.334.990.872
Chi phí khấu hao	169.247.660	169.247.667
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.410.942.599	4.743.785.159
Chi phí khác bằng tiền	910.705.694	754.219.556
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>13.828.299.193</b>	<b>13.226.808.828</b>
Chi phí nhân viên quản lý	6.917.414.732	7.081.369.955
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	404.586.001	434.975.675
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.177.559.008	1.293.407.878
Thuế, phí, lệ phí	1.542.380.219	1.263.088.608
Chi phí mua ngoài	2.481.378.413	2.052.106.863
Chi phí bằng tiền khác	1.304.980.820	1.101.859.849
<b>Tổng</b>	<b>20.629.798.421</b>	<b>21.229.052.082</b>

**6.6 Thu nhập khác / Chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Lãi thanh lý vật tư, phế liệu	18.181.818	13.823.948
<b>Tổng</b>	<b>18.181.818</b>	<b>13.823.948</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản phạt vi phạm hành chính về thuế	2.436.246	-
<b>Tổng</b>	<b>2.436.246</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>15.745.572</b>	<b>13.823.948</b>

**6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	172.543.760.676	170.723.116.929
Chi phí nhân công	19.345.119.387	15.823.669.772
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.804.916.324	2.545.659.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	7.732.417.241	17.139.037.846
<b>Tổng</b>	<b>201.426.213.628</b>	<b>206.231.484.269</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.390.491.541	4.923.196.869
Điều chỉnh tăng	301.767.434	370.414.521
+ Chi phí khấu hao phần vượt nguyên giá 1,6 tỷ của TSCĐ	268.331.188	337.214.521
+ Các khoản phạt, chậm nộp thuế	2.436.246	-
+ Thù lao trả cho thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	31.000.000	33.200.000
<b>Tổng thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>8.692.258.975</b>	<b>5.293.611.390</b>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN kỳ hiện hành</b>	<b>1.738.451.796</b>	<b>1.058.722.278</b>

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.652.039.745	3.864.474.591
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	(306.515.890)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>6.652.039.745</b>	<b>3.557.958.702</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	12.027.086	12.027.086
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>553</b>	<b>296</b>

(\*) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng người quản lý. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI**

Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)**

Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty đã được phê duyệt tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong kỳ 2023. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 được trình bày lại như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	Số đã trình bày trên báo cáo năm trước	Số trình bày lại	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	3.864.474.591	3.864.474.591	-
Số dư trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng cán bộ quản lý (VND)	-	(306.515.890)	(306.515.890)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.864.474.591	3.557.958.702	(306.515.890)
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	12.027.086	12.027.086	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	321	296	(25)

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Giao dịch với các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan của Công ty****Bên liên quan**

Công ty TNHH Quản lý Đầu tư HAP Việt Nam  
Ông Nguyễn Thiện Ái  
Ông Nguyễn Ngọc Anh  
Ông Nguyễn Xuân Cương  
Ông Nguyễn Mạnh Đức  
Ông Trịnh Lê Minh  
Ông Trần Thế Giang  
Ông Nguyễn Minh Đức  
Bà Phạm Thị Huyền  
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Ông Vương Tuấn Anh  
Và các cá nhân thân cận trong gia đình của các Cá nhân bên liên quan.

**Mối quan hệ**

Cổ đông lớn  
Chủ tịch HĐQT  
Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng GD  
Ủy viên HĐQT  
Ủy viên HĐQT, Phó TGD  
Ủy viên HĐQT  
Kế toán trưởng  
Trưởng BKS  
Ủy viên BKS  
Ủy viên BKS (miễn nhiệm ngày 18/4/2023)  
Ủy viên BKS (bỏ nhiệm ngày 18/4/2023)  
Ảnh hưởng đáng kể

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7.1 Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

*Thù lao, thu nhập của các nhân sự chủ chốt:*

Họ tên	Chức vụ	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
<b>Thù lao Hội đồng Quản trị</b>		<b>87.100.000</b>	<b>88.600.000</b>
Ông Nguyễn Thiện Ái	Chủ tịch HĐQT	25.100.000	25.400.000
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	15.500.000	15.800.000
Ông Nguyễn Mạnh Đức	Ủy viên HĐQT	15.500.000	15.800.000
Ông Nguyễn Xuân Cường	Ủy viên HĐQT	15.500.000	15.800.000
Ông Trịnh Lê Minh	Ủy viên HĐQT	15.500.000	15.800.000
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>		<b>437.331.854</b>	<b>452.047.960</b>
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc	236.790.190	246.732.200
Ông Nguyễn Mạnh Đức	Phó Tổng Giám đốc	200.541.664	205.315.760
<b>Thu nhập của Kế toán trưởng, Thù lao của Ban kiểm soát</b>		<b>239.915.433</b>	<b>249.185.800</b>
Ông Nguyễn Minh Đức	Trưởng BKS	13.100.000	13.400.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Ủy viên BKS (miễn nhiệm 18/4/2023)	6.400.000	10.500.000
Ông Vương Tuấn Anh	Ủy viên BKS (bỏ nhiệm 18/4/2023)	2.400.000	-
Bà Phạm Thị Huyền	Ủy viên BKS	10.700.000	11.000.000
Ông Trần Thế Giang	Kế toán trưởng	207.315.433	214.285.800
<b>Tổng</b>		<b>764.347.287</b>	<b>789.833.760</b>

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2023

Người lập

Phạm Thu Hà

Kế toán trưởng

Trần Thế Giang



Nguyễn Ngọc Anh